

Bài 1: Hoàn thành bảng sau:

Tiếng nhật	Romaji	Nghĩa tiếng việt
チョコレート		
パーティー		
ジュース		
カフェ		
コンピューター		
ファックス		
ウォークマン		
ブンチャー		
フォー		
バインチュン		

Bài 2: Điền từ còn thiếu và dịch nghĩa các câu sau:

1. わたし ____ いぬ ____ すきです。

→

2. Huong さん ____ ねこ ____ すきです ____。

→

____、すきです。

____、すきではありません。

3. ____ がすきですか。

→